TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/ HNGĐ -ST
Ngày 11/5/2018.
V/v:Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Hồng Ngân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**;

2. Ông **Hoàng Văn Đàm.**

***- Th- ký phiên tòa*:** Bà **Đào Thị Anh Nhinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh.

- Đại diện VKSND huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 11/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 214/2017/TLST - HNGĐ ngày 28/11/2017 "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX ST - HNGĐ ngày 07/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu G, xã TD, huyện LT, tỉnh VP.

Hôm nay, vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 2, xã VP, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 và không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến gia đình và thường xuyên

uống rượu. Từ năm 2012 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Nay chị thấy anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T đồng thời đề nghị giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 16/01/2008. Hiện nay cháu đang ở cùng chị. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

*** Về phía anh Nguyễn Văn T:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần có Giấy triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều cố tình trốn tránh, không có mặt tại Tòa án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị N làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 7 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[2] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2006 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm anh chị chung sống với nhau khi luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực thi hành nên theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: " Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này; Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý;Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Tại điểm c khoản 2 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng quy định: "Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Theo Biên bản làm việc với UBND xã VP ngày 12/12/2017 được cung cấp: Chị N và anh T chung sống cùng nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống cùng nhau cho đến nay anh chị cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Ngày 26/3/2018 UBND xã TD, huyện LT, tỉnh VP cũng xác nhận: Trong thời gian chị N và anh T chung sống cùng nhau từ năm 2006 đến nay anh chị cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện LT. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù chị N có

đơn xin xử vắng mặt nhưng quan điểm của chị đã thể hiện rõ trong quá trình giải quyết vụ án và không có thay đổi gì. Như vậy, căn cứ vào các quy định pháp luật nêu trên có đủ căn cứ để không công nhận là quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

[3] Về con chung: Chị Nhung xác nhận anh chị có một con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 16/01/2008, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Trường hợp Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Mặc dù việc chung sống giữa chị N và anh T không được công nhận là quan hệ vợ chồng nhưng theo quy định của pháp luật thì Tòa án vẫn giải quyết về con chung. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị N là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật vì hiện nay cháu Vân A đang ở cùng chị từ năm 2012, đã ổn định môi trường sống và học tập. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay anh T không có mặt nên nếu giao cháu Vân A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi cho cháu. Do đó, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vân A và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N xác nhận chị và anh T không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.Nếu sau này anh T đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức và có căn cứ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về phía anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và đã gửi các văn bản tố tụng cho anh T để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng anh T không có mặt. Đại diện UBND xã VP cũng cho biết thời gian vừa qua UBND xã có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh triệu tập anh T đến Tòa án làm việc liên quan đến đơn khởi kiện của chị Nhung, UBND xã đã cử cán bộ đến giao cho anh T nhưng anh T không nhận bất cứ văn bản nào. Như vậy, anh T đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, anh T đã mặc nhiên từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Để đảm bảo quyền lợi của chị N, cháu Vân A và cũng phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKS nhân dân huyện Phù Ninh có quan điểm: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án : Đại diện VKS đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T. Đồng thời đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Vân A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 9, điều 14, điều 15, điều 81, điều 82 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 16/01/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000689 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đương sự có mặt được quyền kháng cáo.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- T.H.A DS huyện Phù Ninh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã VP;
- UBND xã TD, huyện LT;
- L- u: HS , VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân